

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B,  
quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 31

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103008732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07/8/2020. Mã số doanh nghiệp được thay đổi thành 0302095576.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - IDI. JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103008732 thay đổi lần thứ 06 ngày 07/8/2020 là: 249.492.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi chín tỷ, bốn trăm chín mươi hai triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán HTI.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km 1906+700, Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Đạt	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên
Ông Khương Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên độc lập

#### Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Thọ	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Lê Quốc Đạt	Giám đốc
Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc
Ông Khương Quốc Bình	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Lê Quốc Đạt**  
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2023



Số: 136/2023/BCSX-CPA VIETNAM -HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng IDICO được lập ngày 11/8/2023, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Nguyễn Thị Mai Hoa****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 06/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>64.697.285.077</b>	<b>48.654.098.492</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>23.606.130.355</b>	<b>38.142.736.788</b>
1. Tiền	111		2.209.871.706	3.934.600.108
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.396.258.649	34.208.136.680
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>30.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	30.000.000.000	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.017.771.065</b>	<b>10.412.012.746</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	7.581.868.293	8.535.915.293
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.306.101.364	857.459.391
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.129.801.408	1.018.638.062
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>73.383.657</b>	<b>99.348.958</b>
1. Hàng tồn kho	141		73.383.657	99.348.958
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>1.422.114.162.934</b>	<b>1.461.232.677.666</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>9.570.048</b>	<b>9.570.048</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	9.570.048	9.570.048
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.225.586.826.799</b>	<b>1.273.623.581.729</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	1.225.586.826.799	1.273.623.581.729
- Nguyên giá	222		2.556.794.978.281	2.556.794.978.281
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.331.208.151.482)	(1.283.171.396.552)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	-
- Nguyên giá	228		915.724.800	915.724.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(915.724.800)	(915.724.800)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>175.866.226.203</b>	<b>166.947.986.005</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	175.866.226.203	166.947.986.005
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.651.539.884</b>	<b>20.651.539.884</b>
1. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.9	20.651.539.884	20.651.539.884
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.486.811.448.011</b>	<b>1.509.886.776.158</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>1.033.095.009.111</b>	<b>1.063.175.016.609</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>159.007.610.127</b>	<b>189.087.617.625</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	16.772.313.158	6.145.067.059
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		16.804.000	5.386.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	8.277.006.128	16.073.997.999
4. Phải trả người lao động	314		1.653.051.734	1.688.051.307
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		255.434.000	255.434.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	2.139.913.189	26.707.158.805
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	125.853.985.323	135.805.985.323
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.13	1.785.597.400	1.785.597.400
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.253.505.195	620.939.732
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>874.087.398.984</b>	<b>874.087.398.984</b>
1. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.14	607.180.216.383	627.180.216.383
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.13	266.907.182.601	246.907.182.601
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>453.716.438.900</b>	<b>446.711.759.549</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>453.716.438.900</b>	<b>446.711.759.549</b>
<b>1. Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>411</b>		<b>249.492.000.000</b>	<b>249.492.000.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		249.492.000.000	249.492.000.000
1. Quỹ đầu tư phát triển	418		164.586.458.199	164.586.458.199
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39.637.980.701	32.633.301.350
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		11.015.475.887	2.300.319.253
- LNST chưa phân phối kì này	421b		28.622.504.814	30.332.982.097
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>1.486.811.448.011</b>	<b>1.509.886.776.158</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Trường Vũ

Giám đốc



Lê Quốc Đạt



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc	kết thúc
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	216.335.599.971	204.720.788.989
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	216.335.599.971	204.720.788.989
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	118.853.897.414	108.260.244.786
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		97.481.702.557	96.460.544.203
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	910.441.245	212.729.520
7. Chi phí tài chính	22	6.4	40.210.327.210	40.141.830.236
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		40.210.327.210	40.141.830.236
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	19.274.166.179	18.310.237.406
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	2.982.679.847	3.858.020.418
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		35.924.970.566	34.363.185.663
11. Thu nhập khác	31	6.7	73.076.816	80.723.035
12. Chi phí khác	32	6.7	116.811.532	7.000.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(43.734.716)	73.723.035
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		35.881.235.850	34.436.908.698
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	7.258.731.036	6.887.381.740
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		28.622.504.814	27.549.526.958
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.113	1.071

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Trường Vũ

Giám đốc



Lê Quốc Đạt



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		35.881.235.850	34.436.908.698
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		48.036.754.930	44.262.790.975
- Các khoản dự phòng	03		20.000.000.000	34.000.000.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(910.441.245)	(212.729.520)
- Chi phí lãi vay	06		40.210.327.210	40.141.830.236
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		143.217.876.745	152.628.800.389
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(605.758.319)	(2.060.175.661)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		25.965.301	127.889.718
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		12.223.972.693	(6.333.384.568)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(40.210.327.210)	(40.141.830.236)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(14.573.168.339)	(4.899.074.692)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(25.900.000)	(1.897.650.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>100.052.660.871</b>	<b>97.424.574.950</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(11.026.688.379)	(7.657.818.679)
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.000.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		910.441.245	212.729.520
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(40.116.247.134)</b>	<b>(7.445.089.159)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(29.952.000.000)	(83.425.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(44.521.020.170)	(144.888.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(74.473.020.170)</b>	<b>(83.569.888.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	50		<b>(14.536.606.433)</b>	<b>6.409.597.791</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	5.1	<b>38.142.736.788</b>	<b>19.958.216.031</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70	5.1	<b>23.606.130.355</b>	<b>26.367.813.822</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Trường Vũ

Giám đốc



Lê Quốc Đạt

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103008732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07/8/2020. Mã số doanh nghiệp được thay đổi thành 0302095576.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - IDI. JSC

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 07/8/2020 là 249.492.000.000 VND. (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi chín tỷ, bốn trăm chín mươi hai triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán HTI.

Trụ sở chính của Công ty tại Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30/06/2023 là 174 người (tại ngày 31/12/2022 là 190 người).

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là Đầu tư các dự án BOT giao thông và Xây dựng công trình

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh theo đăng ký kinh doanh: Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất, lắp đặt, mua bán thiết bị ngành giao thông (không sản xuất tại trụ sở); Xây dựng nhà các loại; Thu gom rác không độc hại.

**Hoạt động chính của Công ty trong kỳ:** Thu phí sử dụng đường bộ theo hợp đồng BOT số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003, Phụ lục hợp đồng số 3979/2011/PLHĐ-B.O.T ngày 01/9/2011 có thời gian thu phí hoàn vốn 192 tháng (từ tháng 2/2017 đến hết tháng 1 năm 2033) (Giai đoạn 2) và Phụ lục Hợp đồng số 23969/2014/PLHĐ-B.O.T ngày 22/9/2014 có thời gian thu phí hoàn vốn 217 tháng tính từ thời điểm bắt đầu điều chỉnh giá vé thu phí của Dự án BOT từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2033 (Giai đoạn 3), thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng giao thông.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5 Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30/6/2023 là:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO - Xí nghiệp Xây dựng IDICO - IDI	560A Quốc lộ 1A, Khu phố 6 - phường Bình Hưng Hòa B - quận Bình Tân - TP Hồ Chí Minh



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

**4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 20
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

Đối với tài sản cố định hình thành từ Dự án đầu tư B.O.T An Suong - An Lạc được khấu hao trong thời gian kể từ khi công trình, hạng mục công trình đưa vào thu phí tới hết thời gian thu phí. Do đặc thù hoạt động, Công ty được trích khấu hao tài sản hình thành từ dự án B.O.T An Suong - An Lạc theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm, phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án và được thực hiện bắt đầu từ năm 2009 theo Công văn 390/BTC-TCĐN ngày 08/01/2010 của Bộ Tài chính đến tháng 01/2017. Các hạng mục bổ sung của Dự án đầu tư B.O.T An Suong - An Lạc là Cầu vượt Hương lộ 2 và Cầu vượt Tỉnh lộ 10 – Tỉnh lộ 10B cũng được khấu hao theo Phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm theo tỷ lệ được quy định trong Phụ lục Hợp đồng B.O.T.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm quản lý thu phí được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý thu phí, quản lý doanh nghiệp được ghi nhận cơ sở giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 7 năm.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Tài sản thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh từ hoạt động thu phí sử dụng đường bộ được ghi nhận khi hoàn thành dịch vụ thu phí (thu tiền từ khách hàng).

**Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:**

Đối với tiền lãi và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ trong kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu lĩnh vực kinh doanh là thu cước đường bộ và hoạt động theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	1.973.284.870	1.256.095.607
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	236.586.836	2.678.504.501
Các khoản tương đương tiền (i)	21.396.258.649	34.208.136.680
<b>Tổng</b>	<b>23.606.130.355</b>	<b>38.142.736.788</b>

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng với lãi suất 5% /năm tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần.

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam -Chi nhánh Đồng Nai (i)	30.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>-</b>

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng với lãi suất 7.2% /năm tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai.

**5.3 Phải thu của khách hàng**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH TM DV và xây dựng Thiên Vũ	4.956.467.024	4.956.467.024
Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	1.166.165.000	2.126.212.000
Công ty TNHH Đầu tư phát triển đô thị Ngọc Viễn Đông	1.423.236.269	1.423.236.269
Phải thu khách hàng khác	36.000.000	30.000.000
<b>Tổng</b>	<b>7.581.868.293</b>	<b>8.535.915.293</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,  
phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM

**Mẫu số B 09a - DN**

Bar hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.4 Phải thu khác**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1.129.801.408	-	1.018.638.062	-
Tạm ứng	520.447.789	-	289.558.580	-
Ký cược ký quỹ	149.766.008	-	149.766.008	-
Bồi thường giải phóng mặt bằng Tân Kỳ Tân Quý	390.000.000	-	390.000.000	-
Phải thu khác	69.587.611	-	189.313.474	-
b) Dài hạn	9.570.048	-	9.570.048	-
Ký cược, ký quỹ	9.570.048	-	9.570.048	-
<b>Tổng</b>	<b>1.139.371.456</b>	<b>-</b>	<b>1.028.208.110</b>	<b>-</b>

**5.5 Hàng tồn kho**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	31.247.657	-	66.297.958	-
Công cụ, dụng cụ	42.136.000	-	33.051.000	-
<b>Tổng</b>	<b>73.383.657</b>	<b>-</b>	<b>99.348.958</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Kim 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,  
phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2023	2.525.067.059.360	17.951.281.124	11.017.119.998	2.759.517.799	2.556.794.978.281
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2023	2.525.067.059.360	17.951.281.124	11.017.119.998	2.759.517.799	2.556.794.978.281
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2023	1.260.575.914.614	12.017.620.636	8.764.047.050	1.813.814.252	1.283.171.396.552
Tăng trong kỳ	47.063.153.677	480.345.222	363.925.974	129.330.057	48.036.754.930
Khấu hao trong kỳ	47.063.153.677	480.345.222	363.925.974	129.330.057	48.036.754.930
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2023	1.307.639.068.291	12.497.965.858	9.127.973.024	1.943.144.309	1.331.208.151.482
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày ngày 01/01/2023	1.264.491.144.746	5.933.660.488	2.253.072.948	945.703.547	1.273.623.581.729
Tại ngày ngày 30/6/2023	1.217.427.991.069	5.453.315.266	1.889.146.974	816.373.490	1.225.586.826.799

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2023 là 798.610.338.950 VND (tại ngày 31/12/2022: 797.473.982.059 VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.7 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2023	915.724.800	915.724.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2023	<u>915.724.800</u>	<u>915.724.800</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2023	915.724.800	915.724.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2023	<u>915.724.800</u>	<u>915.724.800</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2023	-	-
Tại ngày 30/6/2023	<u>-</u>	<u>-</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 30/6/2023 là 915.724.800 VND (tại ngày 31/12/2022 là: 915.724.800 VND).

**5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Dự án cầu Tân Kỳ Tân Quý, TPHCM	163.869.069.436	158.378.916.254
Công trình Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thu phí tự động không dừng (ETC)	11.016.263.395	8.569.069.751
Sửa chữa lớn tài sản cố định (duy tu)	980.893.372	-
<b>Tổng</b>	<u>175.866.226.203</u>	<u>166.947.986.005</u>

**5.9 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ - Trích dự phòng chi phí sửa chữa vừa và sửa chữa lớn	20.651.539.884	20.651.539.884
<b>Tổng</b>	<u>20.651.539.884</u>	<u>20.651.539.884</u>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.10 Phải trả người bán**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Thiên Ân	-	-	1.635.420.589	1.635.420.589
Công ty Cổ phần Công nghệ Biển bạc Miền Nam	814.207.110	814.207.110	860.827.066	860.827.066
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế công trình Quý đạo	645.208.653	645.208.653	645.208.653	645.208.653
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phúc Tường Vinh	8.950.408.600	8.950.408.600	-	-
Các đối tượng khác	6.362.488.795	6.362.488.795	3.003.610.751	3.003.610.751
<b>Tổng</b>	<b>16.772.313.158</b>	<b>16.772.313.158</b>	<b>6.145.067.059</b>	<b>6.145.067.059</b>

*Trong đó: Số dư phải trả người bán với bên liên quan  
(Chi tiết tại thuyết minh 7.2)*

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2023		Số phải nộp trong kỳ		Số đã nộp trong kỳ		30/6/2023	
<b>Phải nộp</b>	<b>16.073.997.999</b>	<b>24.585.709.972</b>	<b>32.382.701.843</b>	<b>8.277.006.128</b>				
Thuế GTGT	1.193.217.748	16.659.448.639	16.982.322.310	870.344.077				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.573.168.339	7.258.731.036	14.633.389.899	7.198.509.476				
Thuế thu nhập cá nhân	307.611.912	663.530.297	762.989.634	208.152.575				
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-				

*Đơn vị tính: VND*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.12 Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	627.515.700	627.515.700
Cổ tức phải trả TCT IDICO - CTCP	-	14.345.790.000
Cổ tức phải trả America LLC	-	2.285.100.000
Cổ tức phải trả các cổ đông khác	1.378.920.130	9.309.690.300
Các khoản phải trả, phải nộp khác	133.477.359	139.062.805
<i>Phải trả các đội thi công của Công ty</i>	-	63.627.724
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	133.477.359	75.435.081
<b>Tổng</b>	<b>2.139.913.189</b>	<b>26.707.158.805</b>
<i>Số dư phải trả ngắn hạn khác với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh 7.2)</i>	-	14.345.790.000

**5.13 Dự phòng phải trả**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.785.597.400</b>	<b>1.785.597.400</b>
Chi phí sửa chữa vừa và sửa chữa lớn các hạng mục (i)	1.785.597.400	1.785.597.400
<b>b) Dài hạn</b>	<b>266.907.182.601</b>	<b>246.907.182.601</b>
Chi phí sửa chữa vừa và sửa chữa lớn các hạng mục (i)	266.907.182.601	246.907.182.601
<b>Tổng</b>	<b>268.692.780.001</b>	<b>248.692.780.001</b>

(i) Đây là khoản dự phòng phải trả căn cứ vào các phụ lục Hợp đồng BOT thuộc các hạng mục trên tuyến Quốc lộ 1A đoạn An Sương - An Lạc theo Phương án tài chính về việc dự phòng chi phí sửa chữa vừa và sửa chữa lớn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,  
phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Mẫu số B 09a-DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.14 Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	Tại ngày 30/6/2023		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả	125.853.985.323	125.853.985.323	20.000.000.000	29.952.000.000	135.805.985.323	135.805.985.323
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam -Chi nhánh Đồng Nai	-	-	-	8.952.000.000	8.952.000.000	8.952.000.000
- Hợp đồng tín dụng 1801-LAV-201402329 (i)	40.000.000.000	40.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
- Khế ước vay số 1801-LDS-201700141 (ii)	85.853.985.323	85.853.985.323	-	1.000.000.000	86.853.985.323	86.853.985.323
- Khế ước vay số 1801-LAV-201800257 (iii)	607.180.216.383	607.180.216.383	-	20.000.000.000	627.180.216.383	627.180.216.383
Vay dài hạn	607.180.216.383	607.180.216.383	-	20.000.000.000	627.180.216.383	627.180.216.383
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam -Chi nhánh Đồng Nai	-	-	-	-	-	-
- Hợp đồng tín dụng 1801-LAV-201402329 (i)	225.499.797.625	225.499.797.625	-	-	225.499.797.625	225.499.797.625
- Khế ước vay số 1801-LDS-201700141 (ii)	381.680.418.758	381.680.418.758	-	20.000.000.000	401.680.418.758	401.680.418.758
- Khế ước vay số 1801-LAV-201800257 (iii)	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>733.034.201.706</b>	<b>733.034.201.706</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>49.952.000.000</b>	<b>762.986.201.706</b>	<b>762.986.201.706</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

(i) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201402329 ngày 23/09/2014. Số tiền vay theo hợp đồng 320.446.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư bổ sung công trình *xây dựng nút giao thông tại giao lộ Quốc lộ 1/ Hương lộ 2 (giai đoạn 3)* thuộc dự án BOT cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1, đoạn An Sương - An Lạc. *Thời hạn cho vay là 174 tháng* kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời gian ân hạn 09 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất đang áp dụng 11% cho 12 tháng đầu, sau đó lãi suất cho vay bằng lãi tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng, trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố có hiệu lực kể từ ngày giải ngân cộng 3,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ Quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Sương - An Lạc (Km 1901-Km 1915) địa phận Thành phố Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh theo Hợp đồng điều chỉnh B.O.T số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003; Phụ lục Hợp đồng số 3979/2011/PLHĐ-B.O.T ngày 01/09/2011 và Phụ lục Hợp đồng 2 số 23969/PLHĐ-B.O.T ngày 22/09/2014.

(ii) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201700141 ngày 15/02/2017 tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai. Số tiền vay: 509.856.000.000 đồng. Mục đích vay: “*Đề đầu tư cho dự án Đầu tư Công trình Xây dựng bổ sung nút giao khác mức tại giao lộ Quốc lộ 1- đường Lê Trọng Tấn - đường Nguyễn Thị Tú thuộc dự án BOT Cải tạo quốc lộ 1, đoạn An Sương - An Lạc*”. Thời hạn giải ngân: đối đa đến ngày 15/05/2020, thời gian ân hạn 39 tháng kể từ ngày giải ngân, thời hạn cho vay *180 tháng*. Lãi suất cho vay từng lần giải ngân 9,1% trong thời gian thi công, sau thời gian thi công lãi suất cho vay bằng lãi suất công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân + 3,3% /năm. Tài sản đảm bảo: “Toàn bộ quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Sương – An Lạc (Km 1901-1915) địa phận Tp. Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh khác theo hợp đồng B.O.T .

(iii) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201800257 ngày 14/03/2018 tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai. Số tiền vay: 350.460.000.000 đồng. Mục đích vay: “*Đầu tư xây dựng bổ sung cầu mới Tân Kỳ Tân Quý thuộc dự án BOT Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn An Sương – An Lạc*”. Thời hạn giải ngân: đối đa đến ngày 15/05/2022, thời gian ân hạn 51 tháng kể từ ngày giải ngân, thời hạn cho vay *132 tháng*. Lãi suất cho vay áp dụng cho từng lần giải ngân bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn *12 tháng*, trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân cộng biên độ *3,5%/ năm*.. Tài sản đảm bảo: “Toàn bộ quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Sương – An Lạc (Km 1901-1915) địa phận TP Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh khác theo hợp đồng B.O.T.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.15 Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2022	249.492.000.000	164.586.458.199	48.294.453.727	462.372.911.926
Tăng trong năm	-	-	55.282.182.097	55.282.182.097
Lãi trong năm trước	-	-	55.282.182.097	55.282.182.097
Giảm trong năm	-	-	(70.943.334.474)	(70.943.334.474)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.085.574.474)	(1.085.574.474)
Chia cổ tức năm 2021	-	-	(44.908.560.000)	(44.908.560.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2022 (i)	-	-	(24.949.200.000)	(24.949.200.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>249.492.000.000</b>	<b>164.586.458.199</b>	<b>32.633.301.350</b>	<b>446.711.759.549</b>
Số dư tại ngày 01/01/2023	249.492.000.000	164.586.458.199	32.633.301.350	446.711.759.549
Tăng trong kỳ	-	-	28.622.504.814	28.622.504.814
Lãi trong kỳ nay	-	-	28.622.504.814	28.622.504.814
Giảm trong kỳ	-	-	(21.617.825.463)	(21.617.825.463)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (ii)	-	-	(1.658.465.463)	(1.658.465.463)
Chia cổ tức năm 2022 (ii)	-	-	(19.959.360.000)	(19.959.360.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2023</b>	<b>249.492.000.000</b>	<b>164.586.458.199</b>	<b>39.637.980.701</b>	<b>453.716.438.900</b>

(i) Công ty đã tạm ứng cổ tức 2022 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐQT ngày 28/9/2022 của Hội đồng Quản trị với giá trị tương ứng là 24.949.200.000 VND, ngày đăng ký cuối cùng là 16/12/2022, thời gian chi tạm ứng kể từ ngày 16/01/2023 theo thông báo số 1822/TB-SGDCKHCM ngày 05/10/2022.

(ii) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 3% trên lợi nhuận sau thuế năm 2022 với số tiền là 1.658.465.463 VND.
- Chia cổ tức năm 2022 bằng tiền 18% trên vốn điều lệ với số tiền là 44.908.560.000 VND (đã tạm ứng 10% năm 2022 với số tiền 24.949.200.000 VND). Theo nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 12/5/2023 của Hội đồng Quản trị công ty về việc chi trả cổ tức bằng tiền năm 2022 (đợt 2) với tỷ lệ 8% còn lại với số tiền 19.959.360.000 VND, ngày chốt đăng ký cuối cùng là ngày 05/6/2023 và ngày thực hiện chi trả là ngày 22/6/2023.

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Đối tượng	Tại ngày 30/6/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Tổng Công ty IDICO - CTCP	57,50%	14.345.790	143.457.900.000	57,50%	14.345.790	143.457.900.000
Vốn góp của cổ đồng khác	42,50%	10.603.410	106.034.100.000	42,50%	10.603.410	106.034.100.000
<b>Tổng</b>	<b>100%</b>	<b>24.949.200</b>	<b>249.492.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>24.949.200</b>	<b>249.492.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	249.492.000.000	249.492.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	249.492.000.000	249.492.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	19.959.360.000	24.949.200.000

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.949.200	24.949.200
Cổ phiếu phổ thông	24.949.200	24.949.200
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	164.586.458.199	164.586.458.199
<b>Tổng</b>	<b>164.586.458.199</b>	<b>164.586.458.199</b>

**5.16 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Nợ khó đòi đã xử lý		
Trương Bá Tòng	325.977.668	325.977.668
Ngô Văn Quang	116.574.900	116.574.900
Lê Hùng Cường	70.000.000	70.000.000
Lê Thị Thoa	60.000.000	60.000.000
Công ty TNHH TVĐT XD Năng lượng Thái Bình Dương	30.000.000	30.000.000
Phạm Thị Một	29.591.360	29.591.360
Trịnh Thị Hôn	27.269.760	27.269.760
Các đối tượng khác	85.014.473	85.014.473
<b>Tổng</b>	<b>744.428.161</b>	<b>744.428.161</b>

Công ty đã xử lý khoản nợ dự phòng phải thu khó đòi theo Báo cáo cáo tổng hợp và xử lý kết quả kiểm kê theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng kiểm kê.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	216.335.599.971	204.720.788.989
<b>Tổng</b>	<b>216.335.599.971</b>	<b>204.720.788.989</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Giá vốn thu cước đường bộ	118.853.897.414	108.260.244.786
<b>Tổng</b>	<b>118.853.897.414</b>	<b>108.260.244.786</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	910.441.245	212.729.520
<b>Tổng</b>	<b>910.441.245</b>	<b>212.729.520</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền vay	40.210.327.210	40.141.830.236
<b>Tổng</b>	<b>40.210.327.210</b>	<b>40.141.830.236</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nhân viên	14.040.250.508	12.982.145.741
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	196.552.155	734.914.503
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	-	36.542.222
Chi phí khấu hao TSCĐ	661.390.989	702.990.378
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.206.142.505	3.556.299.562
Chi phí bằng tiền khác	169.830.022	297.345.000
<b>Tổng</b>	<b>19.274.166.179</b>	<b>18.310.237.406</b>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	754.216.144	1.182.777.845
Chi phí vật liệu quản lý	58.362.775	163.603.254
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	91.788.889
Chi phí khấu hao TSCĐ	206.374.728	206.374.728
Thuế phí và lệ phí	94.303.849	149.460.074
Chi phí dịch vụ mua ngoài	918.757.313	1.101.032.448
Chi phí bằng tiền khác	950.665.038	962.983.180
<b>Tổng</b>	<b>2.982.679.847</b>	<b>3.858.020.418</b>

**6.7 Lợi nhuận khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Các khoản khác	73.076.816	80.723.035
<b>Tổng</b>	<b>73.076.816</b>	<b>80.723.035</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản khác	116.811.532	7.000.000
<b>Tổng</b>	<b>116.811.532</b>	<b>7.000.000</b>
<b>Lợi nhuận khác thuần</b>	<b>(43.734.716)</b>	<b>73.723.035</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.617.341.733	2.865.207.370
Chi phí nhân công	25.567.765.507	23.941.793.827
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.036.754.930	44.262.790.975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.372.170.104	22.615.330.379
Chi phí khác bằng tiền	21.516.711.166	36.743.380.059
<b>Tổng</b>	<b>141.110.743.440</b>	<b>130.428.502.610</b>

**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	35.881.235.850	34.436.908.698
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	111.311.530	-
Chi phí không được trừ	111.311.530	-
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	-	-
2. Thu nhập tính thuế	35.992.547.380	34.436.908.698
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	7.198.509.476	6.887.381.740
3. Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ	7.198.509.476	6.887.381.740
4. Thuế TNDN theo QĐ 835/QĐ-CT ngày 14/04/2023	60.221.560	-
5. Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.258.731.036	6.887.381.740

**6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.622.504.814	27.549.526.958
Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	(858.675.144)	(826.485.809)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.763.829.670	26.723.041.149
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân (cổ phiếu)	24.949.200	24.949.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) (ii)	1.113	1.071

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/4/2023 của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng IDICO. Công ty ước tính giá trị dự kiến sẽ được giảm trừ vào Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/6/2023 là 858.675.144 VND (28.622.504.814 VND lợi nhuận sau thuế TNDN x 3%).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)**

(ii) Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty đã được phê duyệt tại các Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 được trình bày lại như sau:

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022		
	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.549.526.958	27.549.526.958	-
Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(826.485.809)	(826.485.809)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.549.526.958	26.723.041.149	(826.485.809)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	24.949.200	24.949.200	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.104	1.071	(33)

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Danh sách các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên viết tắt
Tổng công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	IDICO
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị IDICO	Cùng công ty mẹ	IDICO - UDICO
Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	Cùng công ty mẹ	IDICO - INCON
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể	

**7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

**a) Thù lao Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022
		VND	VND
Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch HĐQT	54.888.888	88.666.667
Lê Quốc Đạt	Thành viên HĐQT	37.333.333	71.111.111
Ông Khương Quốc Bình	Thành viên HĐQT	37.333.333	66.111.111
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	37.333.333	66.111.111
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên ĐL HĐQT	37.333.333	8.000.000
Ông Trần Quốc Toàn	Nguyên thành viên ĐL HĐQT	-	27.111.111
<b>Tổng</b>		<b>204.222.220</b>	<b>327.111.111</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**b) Thù lao Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc ngày 30/6/2023	kết thúc ngày 30/6/2022
		VND	VND
Ông Nguyễn Văn Thọ	Trưởng BKS - Người CBTT	363.300.000	356.619.902
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Thành viên BKS	28.555.556	37.333.333
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên BKS	28.555.556	37.333.333
<b>Tổng</b>		<b>420.411.112</b>	<b>431.286.568</b>

**c) Thu nhập Ban Giám đốc và người quản lý khác**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc ngày 30/6/2023	kết thúc ngày 30/6/2022
		VND	VND
Ông Lê Quốc Đạt	Giám đốc	437.200.000	446.300.652
Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc	380.550.000	365.620.214
Ông Khương Quốc Bình	Phó Giám đốc	380.195.455	367.419.902
Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc	380.300.000	341.127.167
Ông Nguyễn Trường Vũ	Kế toán trưởng	363.450.000	348.086.293
<b>Tổng</b>		<b>1.941.695.455</b>	<b>1.868.554.228</b>

**d) Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc ngày 30/6/2023	kết thúc ngày 30/6/2022
		VND	VND
<b>Giao dịch mua</b>		<b>413.831.029</b>	-
IDICO - INCON	Giám sát thi công	413.831.029	-
<b>Cổ tức đã chia</b>		<b>11.476.632.000</b>	-
IDICO	Cổ tức đã chia	11.476.632.000	-

**e) Số dư phải trả các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2023	01/01/2023
		VND	VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		<b>160.201.773</b>	-
IDICO - INCON		160.201.773	-
<b>Phải trả cho người bán</b>		-	<b>207.537.255</b>
IDICO - INCON	Cùng công ty mẹ	-	207.537.255
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		-	<b>14.345.790.000</b>
IDICO	Công ty mẹ	-	14.345.790.000



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7.3. Các cam kết**

Tại ngày 30/6/2023, Công ty có khoản cam kết đầu tư vào dự án công trình xây dựng bổ sung cầu mới Tân Kỳ Tân Quý thuộc dự án BOT Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn An Sương An Lạc theo phụ lục hợp đồng BOT số 1279/2018/PLHĐ-BOT ngày 11/01/2018. Tổng mức đầu tư của dự án là: 312.702.000.000 VND, giá trị đã thực hiện của dự án là: 163.869.069.436 VND.

**7.4. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Trường Vũ

Giám đốc



Lê Quốc Đạt